

Số: **185** /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **27** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc và thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo quy định tại điểm 5 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và đối tượng do người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động theo điểm c, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái, đợt 32 năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thành lập Tổ thường trực rà soát, kiểm tra hồ sơ thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Tổ thường trực rà soát, kiểm tra tại Tờ trình số 134/TTr-TTTRS ngày 24/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc và thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo quy định tại điểm 5 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và đối tượng do người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động theo điểm c, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái, đợt 32 năm 2021 như sau:

1. Đối tượng và kinh phí hỗ trợ:

Hỗ trợ người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021; đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi ngừng việc.

- Số đối tượng được hỗ trợ: 15 người;
- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người;
- Kinh phí hỗ trợ: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);
- Phương thức hỗ trợ: Trả một lần cho người lao động.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã được giao tại Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (20% kinh phí do địa phương đảm bảo) là 3.000.000 đồng.

- Tạm cấp trước từ ngân sách cấp tỉnh (80% kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo) là 12.000.000 đồng. Số kinh phí tạm cấp được thu hồi về cho ngân sách tỉnh khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Cấp kinh phí cho thành phố Yên Bái theo danh sách đối tượng và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thu hồi kinh phí về ngân sách địa phương khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung theo quy định.

- Trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số thực chi trả cho các đối tượng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Yên Bái tổng hợp quyết toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho địa phương.

2. Kho bạc Nhà nước Yên Bái: Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận số kinh phí ngân sách nhà nước thực chi cho các đối tượng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với đối tượng theo quy định.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 5 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và điểm c, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ.

- Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo Tổ thường trực rà soát, kiểm tra để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái:

- Căn cứ danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện chi trả ngay cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, thống kê, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng. Trường hợp nếu phát hiện có sai sót, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng chế độ; tổ chức chi trả cho các đối tượng trên địa bàn quản lý đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai và đúng quy định.

- Chậm nhất 15 ngày, sau khi kết thúc đợt chi trả, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *thu*

Nơi nhận: *cm*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

**Phụ lục: DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ NGỪNG VIỆC
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 MỤC II NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ ĐIỂM C KHOẢN 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 126/NQ-CP
THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số: 135 /QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tên người sử dụng lao động: CÔNG TY TNHH UNICO GLOBAL YB.
- Mã số thuế/đăng ký kinh doanh: 5200807022.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Âu Lâu, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Tài khoản của người sử dụng lao động số 37110000682688 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Yên Bái.

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

| STT | Họ tên | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Số sổ bảo hiểm | Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm) | Số tiền hỗ trợ (đồng) | Số CMT/thẻ căn cước công dân | Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |
|-----|---------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------|--|-----------------------|------------------------------|---|
| | Tổng cộng | | | | | 15.000.000 | | |
| 1 | Trịnh Thị Bích Liên | Line 10 | Không xác định thời hạn | 0104016686 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060569689 | 37110000658014 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 2 | Phạm Thị Thúy | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1516005693 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 172809479 | 37110000660994 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 3 | Nguyễn Thị Thu Thủy | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1516005998 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 061042452 | 37110000641421 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 4 | Ma Thị Sen | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1516006011 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 061042834 | 37110000641786 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 5 | Trần Thị Ngoan | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1516007607 | Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 16/12/2021 | 1.000.000 | 060690601 | 37110000642594 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 6 | Đỗ Thị Lự | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1707000335 | Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060649449 | 37110000650977 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 7 | Hoàng Thị Lan | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1520031556 | Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060652030 | 37110000651527 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 8 | Lê Thị Thuyết | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1520015510 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060816018 | 37110000643302 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |

| STT | Họ tên | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Số sổ bảo hiểm | 2 Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm) | Số tiền hỗ trợ (đồng) | Số CMT/thẻ căn cước công dân | Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |
|-----|------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------|---|-----------------------|------------------------------|---|
| 9 | Nguyễn Thị Loan | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1520040149 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 112012094 | 37110000643038 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 10 | Trần Thị Hải Đăng | Line 10 | Không xác định thời hạn | 1513001914 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060671836 | 37110000642664 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 11 | Nguyễn Thị Hoài Thương | Line 10 | Xác định thời hạn | 1520443478 | Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 061122034 | 37110000891129 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 12 | Lò Kim Doanh | Line 10 | Xác định thời hạn | 1520467348 | Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 061122658 | 37110001133888 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 13 | Ngô Thị Mùi | Line 10 | Xác định thời hạn | 1520491920 | Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/12/2021 | 1.000.000 | 060993637 | 37110001133897 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 14 | Đỗ Thanh Nga | MMCD | Không xác định thời hạn | 1515000945 | Từ ngày 08/11/2021 đến ngày 21/11/2021 | 1.000.000 | 060813504 | 37110000640871 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |
| 15 | Đặng Thị Minh Hiệp | Line 9 | Không xác định thời hạn | 1509000075 | Từ ngày 07/11/2021 đến ngày 20/11/2021 | 1.000.000 | 060375324 | 37110000645894 tại BIDV chi nhánh Yên Bái |